

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2022/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nội vụ về Bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 404/TTr-SNV ngày 21 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *09* tháng *12* năm 2022 và thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*để tự kiểm tra*);
- Trung tâm CB-TH (*đăng công báo*);
- Lưu: VT, (TN.QĐ-03). *ml*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *pluu*



Phạm Văn Thiệu

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38 /2022/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền quyết định khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng, quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (viết tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương), gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh;

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

2. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác và trong thực hiện nhiệm vụ. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi xét thi đua theo chuyên đề, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thì tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý (có hưởng phụ cấp chức vụ) không được quá 40% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng.

3. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ. Cơ quan, đơn vị, địa phương có người đứng đầu đang bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; cơ quan, đơn vị, địa phương có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

5. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

6. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

7. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

8. Đối với mỗi tập thể, cá nhân trong 01 năm chỉ có thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 bằng khen về thành tích công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng xuyên) và không quá 02 bằng khen về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề), trừ trường hợp khen thưởng đợt xuất. Việc khen thưởng tập thể, cá nhân nhân dịp đại hội nhiệm kỳ (do cấp tỉnh tổ chức), kỷ niệm ngày truyền thống của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

9. Việc khen thưởng cho nông dân căn cứ vào mô hình sản xuất, hiệu quả ổn định và việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tham gia các phong trào thi đua của địa phương giúp đỡ nhiều hộ dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động (mô hình hiệu quả trong 01 năm do Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, hiệu quả 02 năm trở lên do Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận).

10. Không khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các tập thể, cá nhân thuộc các hội xã hội nghề nghiệp (trừ các hội đặc thù) chỉ thực hiện việc khen thưởng thành tích tiêu biểu xuất sắc, nổi trội khi kết thúc nhiệm kỳ, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua bao gồm: Thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (theo chuyên đề).

a) Thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề) thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ);

b) Trước khi tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp hoặc liên ngành có thời gian từ 02 năm trở lên; các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp phải gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý bằng văn bản; trên cơ sở đó, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Chi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc. Tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 30% so với tổng số Giấy khen của cấp có thẩm quyền phát động tặng cho tập thể, cá nhân trong chuyên đề thi đua;

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, tham mưu các phong trào thi đua của Trung ương, tỉnh trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thi đua theo đợt (chuyên đề) phải phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất về đối tượng, phạm vi, thời gian thi đua; mục đích, yêu cầu, nội dung thi đua; tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng tập thể, cá nhân và giải pháp thực hiện;

c) Không khen thưởng (tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh) cho các tập thể hoặc cá nhân khi Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

a) Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân;

b) Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ

chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điềm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập;

c) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) là cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý, chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thực hiện và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua và thực hiện tốt chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp người đứng đầu tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng đúng quy định.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

a) Tỷ lệ bình chọn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” (không nhất thiết phải đủ 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; các đơn vị, địa phương nên xét chọn, bình bầu những cá nhân thật sự tiêu biểu);

b) Cơ cấu xét khen thưởng

Việc xét khen thưởng phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ có chức vụ và công chức, viên chức, người lao động; trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương;

Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, cán sự và tương đương;

Công nhân, nhân viên phục vụ: Mỗi nhóm đối tượng được xét tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” từng nhóm;

Khi tính tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở của mỗi nhóm, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một); Nếu nhóm có dưới 06 cá nhân thì được xét 01 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh khen theo nhóm trưởng, phó phòng của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; không xét riêng nhóm lãnh đạo của từng đơn vị trực thuộc;

Đối với các Sở, ban, ngành có nhiều đơn vị trực thuộc như: Giáo dục, y tế, ... thì việc chia nhóm đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức được chia thành nhiều nhóm hơn so với quy định nhưng đảm bảo các nhóm bao gồm những cá nhân có chức năng, nhiệm vụ tương đồng nhau;

Ví dụ: Ngoài 04 nhóm thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh như đã nêu trên, đối với các đơn vị trực thuộc có thể chia thành 03 nhóm như sau: Nhóm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị trực thuộc; nhóm công chức, viên chức không giữ chức vụ và tương đương; nhóm công nhân, nhân viên phục vụ (lãnh đạo đơn vị trực thuộc xét chung với nhóm trưởng, phó phòng của Sở, ban, ngành cấp tỉnh);

Đối với phòng giáo dục: Chia nhóm chuyên viên riêng, chia nhóm giáo viên viên riêng;

Đối với công nhân: Tùy tình hình thực tế, các doanh nghiệp có quy định số lượng nhóm cho phù hợp;

Đối với nông dân: Mỗi huyện, thị xã, thành phố công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở không quá 10 cá nhân. Điều kiện để được tặng: Có mô hình mới sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên (mô hình chưa có cá nhân, tổ chức nào thực hiện), có hiệu quả cao, lợi nhuận bằng 1,2 lần so với những mô hình khác cạnh tranh cùng đối tượng cạnh tranh. Đồng thời thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tham gia tích cực vào các phong trào thi đua của địa phương (Mô hình mới được xem như sáng kiến của nông dân).

Lưu ý: Tránh trường hợp tập trung khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh; ít khen cho đơn vị trực thuộc.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và được xét, đề nghị vào năm cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba (liên tục).

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm sau liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2 (liên tục).

5. Ngoài tiêu chuẩn trên, đối với cá nhân là người đứng đầu các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách, thì đơn vị phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, vệ sinh môi trường, mới được đề nghị xét tặng các danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và tiêu biểu nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với cấp tỉnh: Các đơn vị thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ công chức các xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm:

Trường học (trừ các trường Đại học, Cao đẳng do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý), bệnh viện và tương đương;

Các đơn vị như khoa, phòng và tương đương có từ 10 viên chức, người lao động trở lên thuộc, trực thuộc các trung tâm, bệnh viện, trường học, (các đơn vị có tư cách pháp nhân);

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp tham gia khối thi đua do tỉnh thành lập), hợp tác xã và tương đương; các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, khoản 1, Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và các điều kiện sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong phong trào thi đua thuộc các khối, cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc ủy quyền thành lập. (Không tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các phong trào thi đua theo chuyên đề);

b) Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải căn cứ vào kết quả chấm điểm, bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn của các thành viên trong khối, cụm thi đua và phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của các thành viên trong khối, cụm thi đua;

c) Trường hợp tập thể được Khối, Cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” nếu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đánh giá không đồng ý thì đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), chỉ áp dụng cho Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Việc bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các tập thể do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đánh giá, lựa chọn trong số những đơn vị dẫn đầu trong các cụm, khối thi đua.

5. Ngoài các tiêu chuẩn trên, đối với các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách, thì đơn vị phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, vệ sinh môi trường, mới được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua.

Điều 8. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khóm, ấp văn hóa”

Việc xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khóm, ấp văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 2003 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 9. Các loại hình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 10. Giấy khen

Giấy khen được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thuộc các khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, được các thành viên trong khối, cụm bầu chọn, đề

ngiht hoặc được bình xét trong các phong trào thi đũa theo đợc (chuyờn đờ) khi so kết, tởng kết theo quy đĩnh.

3. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đũa theo đợc (chuyờn đờ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát đợc hoặc do cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp phát đợc.

4. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao đợc gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có 02 năm liên tục lập đợc nhiều thành tích trong lao đợc sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, đỏi với nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn đĩnh từ 02 năm trở lên (mô hình chưa có cá nhân, tổ chức nào thực hiện), có hiệu quả cao, lợi nhuận bằng 1,2 lần so với những mô hình khác canh tác trên cùng đỏi tượng canh tác.

5. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho gia đĩnh gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đợc góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trong thời gian không quá 2 năm có giá trị từ 100 triệu đờng trở lên. Nếu mức đợc góp nêu trên có giá trị lớn thì tùy từng trường hợp cụ thể có thể xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằg khen.

6. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân có nhiều đợc góp trong công tác xã hội trong thời gian không quá 2 năm có giá trị từ 100 triệu đờng trở lên đỏi với cá nhân, 200 triệu đờng trở lên đỏi với tập thể hoặc vận đợc đợc góp giá trị từ 200 triệu đờng trở lên đỏi với cá nhân, 400 triệu đờng trở lên đỏi với tập thể.

Tùy từng trường hợp, đỏi với những tập thể, cá nhân có đĩnh kiện kinh tế còn hạn chế nhưng đợc góp ít hơn so với quy đĩnh thì có thể xem xét khen thưởng.

Những tập thể, cá nhân có thành tích đợc góp cao hơn nhiều lần có thể xem xét đề nghị tặng Bằg khen của Thủ tướng Chính phủ.

7. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đợc xuất có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh ở một trong các lĩnh vực sau: Cứu người, cứu tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, gương người tốt việc tốt; gương tiêu biểu xuất sắc trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự an toàn xã hội,...

8. Bằg khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trên các lĩnh vực:

Đạt giải nhất (Huy chương vàng) trong các kỳ thi, hội thi, giải thi đấu cấp khu vực trong nước (Tây Nam bộ), nhất, nhì, ba (Huy chương vàng, bạc, đờng) các kỳ thi, hội thi, giải thi đấu cấp quốc gia trở lên (chỉ khen thưởng cho các giải thi, hội thi chuyên nghiệp).

Học sinh giỏi cấp quốc gia và quốc tế: Đạt giải nhất, nhì, ba; đỏi thủ khoa trong các kỳ thi vào đại học.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp tiền của ủng hộ các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện.

Điều 12. Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Khen Chuyên đề: Chỉ tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ đến Huân chương Lao động hạng ba (thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ).

Điều 13. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp tỉnh thì xét, đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG HỒ SƠ, THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng “Bằng khen”; “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định tặng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng danh hiệu “Khóm, ấp văn hóa”.

3. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty Cổ phần, Công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại... do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định tặng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho người lao động, tập thể người lao động.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tặng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”; “Gia đình văn hóa”, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý.

Điều 15. Quy định về tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đối với phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề): Cấp nào, cơ quan, ngành nào chủ trì phát động thì cấp đó, cơ quan, ngành đó xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Chỉ trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân lập được thành tích thật sự tiêu biểu xuất sắc; phải phối hợp với cơ quan tham mưu về thi đua, khen thưởng cấp huyện hoặc cấp tỉnh xem xét, thống nhất trước khi trình khen thưởng.

3. Đối với các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã):

a) Các tổ chức kinh tế là thành viên các khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập thì người đứng đầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

b) Đối với các tổ chức kinh tế không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, nếu có thành tích tiêu biểu xuất sắc (hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, bảo vệ môi trường, thực hiện chính sách đối với người lao động,...) góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức kinh tế có trụ sở hoặc thường xuyên hoạt động xem xét khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước, truy bắt tội phạm,...: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nào quản lý đối tượng hoặc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình thì người đứng đầu khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng (thực hiện theo thủ tục, hồ sơ đơn giản).

Điều 16. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y, xác nhận của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thực hiện (tùy theo đối tượng).

2. Nội dung lấy ý kiến hiệp y, xác nhận gồm: Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm.

3. Khi có văn bản xin ý kiến hiệp y, xác nhận của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh), sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc theo ngày nhận văn bản đến) cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, quá thời gian nêu trên nếu không có ý kiến trả lời, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) sẽ trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến hiệp y, xác nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hiệp y, xác nhận.

Điều 17. Quy định về thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định, trình khen thưởng và công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng thời gian như sau:

a) Danh hiệu "**Chiến sĩ thi đua toàn quốc**" là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 31 tháng 8 hàng năm;

b) Danh hiệu "**Cờ thi đua của Chính phủ**" do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bình xét, khi có thông báo kết quả được chọn tặng "Cờ Thi đua của Chính phủ" thì đơn vị, địa phương được bình chọn phải hoàn chỉnh báo cáo thành tích và gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trình trước ngày 15 tháng 9 hàng năm;

c) “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, các Cụm, Khối thi đua phải tổ chức bình xét, đề cử đơn vị dẫn đầu, hoàn chỉnh hồ sơ khen thưởng và gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trình trước ngày 30 tháng 8 hàng năm;

d) Hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen hoàn thành nhiệm vụ năm);

Các danh hiệu thi đua và hình thức thuộc thẩm quyền của tỉnh: Đối với việc công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng công tác năm gồm: Bằng khen, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có Tờ trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm. Riêng ngành giáo dục, thời gian nộp hồ sơ chậm nhất vào ngày 15 tháng 8 hàng năm.

Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Huân chương các loại, các hạng: các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có Tờ trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất vào ngày 15 tháng 4 hàng năm. Riêng ngành giáo dục, thời gian nộp hồ sơ chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ:

Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định (đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thực hiện theo quy trình làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh và Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: do Thủ trưởng đơn vị, địa phương quy định nhưng thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh

Thời gian nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 9 hàng năm đến 28 tháng 2 năm sau.

Điều 18. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại các Điều 45, 49, 51 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, hồ sơ (02 bộ (bản chính)) bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của cấp trình khen thưởng và đóng dấu giáp lai theo quy định (kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích như: Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh 2 lần liên tục và Quyết định công nhận sáng

kiến cấp tỉnh (các văn bản chứng minh đủ điều kiện đề nghị khen thưởng); đồng thời gửi file điện tử báo cáo thành tích đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) theo địa chỉ email: banthiduakhenthuongbl@gmail.com;

c) Biên bản họp xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương (*tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng*).

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều: 52, 53, 56, 57 (khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Điều 55) Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, hồ sơ (03 bộ (bản chính), Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (02 bộ bản chính)), bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của cấp trình khen thưởng và đóng dấu giáp lai theo quy định (kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích như: Văn bản công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, quyết định công nhận sáng kiến; kết luận kiểm toán, xác nhận nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp,...); đồng thời gửi file điện tử báo cáo thành tích đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) theo địa chỉ email: banthiduakhenthuongbl@gmail.com;

c) Biên bản họp xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

Đối với việc đề nghị các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (trừ Trung ương quy định cụ thể) thì tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (nếu thành viên nào vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng văn bản hoặc gửi phiếu xin ý kiến để xác định kết quả).

3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân, đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) theo địa chỉ email: banthiduakhenthuongbl@gmail.com, hồ sơ (01 bộ (bản chính)) bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương; Cụm trưởng, Khối trưởng (đối với khen thưởng các thành viên trong khối, cụm thi đua);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản họp xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; của các thành viên khối, cụm thi đua, hoặc của các thành viên tham gia thi đua theo đợt (chuyên đề) dưới hình thức liên ngành;

Các tập thể cá nhân được khen thưởng thì tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương (*đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thì tỷ lệ phiếu đồng ý*

phải đạt từ 90% trở lên), nếu thành viên nào vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng văn bản hoặc phiếu xin ý kiến để xác định kết quả;

Đối với danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích như: Quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

Đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích như: Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (03 năm), văn bản công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (03 năm);

Đối với Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích như: Văn bản công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (02 năm), quyết định công nhận sáng kiến (02 năm).

4. Đối với những đơn vị sản xuất kinh doanh, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, chế độ bảo hiểm, khi trình các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị. Trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền về kết quả thực hiện. Đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong giai đoạn xét khen thưởng trước khi đề nghị khen thưởng.

5. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh 01 bộ (bản chính) gồm: Tờ trình và hồ sơ có liên quan quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này.

6. Trước khi trình khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc phải lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Điều 19. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua và Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÁC CẤP

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh do người đứng đầu quyết định thành lập, là bộ phận tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Hội đồng có 01 Phó Chủ tịch là cấp phó của người đứng đầu. Các thành viên Hội đồng là đại diện các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

e) Tham mưu cho Thủ trưởng ban hành Quy chế làm việc (hoạt động) của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị là thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố (huyện, thị xã, thành phố gọi chung là cấp huyện) có từ 11 đến 15 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Hội đồng có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch Hội đồng. Trưởng Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn huyện;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và quy định của pháp luật.

5. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có từ 9 đến 11 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Các Phó Chủ tịch, thành viên khác và thường trực Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn xã;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn xã;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành và quy định của pháp luật.

Điều 24. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định thành lập. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 4/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Nguồn và mức trích quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 26. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 66, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi:

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng;

b) Chi nghiệp vụ gồm: In giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm hồ sơ khen thưởng; làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 27. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đối với việc khen thưởng tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức tiền thưởng tùy theo từng trường hợp cụ thể.

3. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện, khi được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hướng dẫn thực hiện Quy chế

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện Quy chế này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 29. Tổ chức thực hiện Quy chế

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện tốt Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *phieu*



Phạm Văn Thiều